

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 58/2025/DS-ST

Ngày 15 - 4 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tươi;

Ông Lương Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thương – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 393/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 21/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T3 (Sau đây viết tắt là Công ty T3); Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A và tầng B, Tòa nhà Trung tâm Thương mại S, số C T, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Minh Đ – Chức vụ: Giám đốc Khối Thu hồ nợ. Người ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn Đ1, ông Trần Hoàng H, ông Lê Đình Minh T, ông Lê Văn Thái N, bà Đỗ Thị Thùy T1; Cùng địa chỉ: số H N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. (ông H có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1998. Địa chỉ: Số nhà B, đường số E, thôn L, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/7/2024 của Công ty T3 và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa nguyên đơn Công ty T3 với bị đơn bà Nguyễn Thị T2 có ký kết hợp đồng cho vay số 100222779 ngày 31/12/2019. Theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 44.000.000 đồng; phương thức vay và kỳ hạn trả

nợ gốc và nợ lãi của khoản vay: nợ gốc và nợ lãi cùng được trả vào ngày 16 hàng tháng theo lịch trả nợ hoặc theo một ngày khác quy định tại lịch trả nợ điều chỉnh do bên cho vay gửi cho bên vay; số tiền thanh toán hàng tháng (từ kỳ thứ 2 đến kỳ thứ 47): 1.743.447 đồng; số tiền thanh toán nợ gốc và lãi của khoản vay: 48 kỳ; mục đích vay: mua đồ dùng; lãi suất 37%/năm. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân số tiền vay cho bị đơn bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên vay là bà Nguyễn Thị T2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chỉ thanh toán được 30 kỳ với tổng số tiền 54.740.044, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 58.947.257 đồng, trong đó: nợ gốc 23.739.469 đồng; nợ lãi trong hạn 7.579.079 đồng; lãi chậm trả gốc quá hạn 25.922.519 đồng và lãi lãi quá hạn 1.706.190 đồng (lãi tạm tính đến ngày 15/4/2025 và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong)

Căn cứ nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền trên là khoản 2 Điều 100 Luật tố các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T2: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bà T2 không đến Tòa làm việc, tiến hành xác minh tại địa phương thì bà T2 có cư trú tại thôn L, xã Đ nhưng cố tình, trốn tránh không đến Tòa làm việc nên không có lời trình bày của bà và không thực hiện được việc cấp tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T2 phải trả số tiền nợ gốc là 23.739.469 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Giữa Công ty T3 với bà Nguyễn Thị T2 có ký hợp đồng vay với nhau nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp

hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 có nơi cư trú tại xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Giữa nguyên đơn Công ty T3 với bị đơn bà Nguyễn Thị T2 có ký kết hợp đồng cho vay số 100222779 ngày 31/4/2019, bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 44.000.000 đồng; mục đích vay: mua sắm đồ dùng; lãi suất 37%/năm. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự và là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bị đơn có nghĩa trả nợ gốc và lãi vào ngày 16 hàng tháng, mỗi tháng 1.986.151 đồng (trả 48 kỳ, kỳ đầu tiên 16/01/2020 và cuối kỳ vào ngày 16/12/2023). Tuy nhiên, bị đơn chỉ trả 30 tháng, đến ngày 16/7/2022 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi với Ngân hàng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay là có căn cứ

X yêu cầu trả số tiền nợ gốc 23.739.469 đồng; nợ lãi trong hạn 7.579.079 đồng; lãi gốc quá hạn 25.922.519; lãi lãi chậm trả 1.706.190 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thì nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Về phía bị đơn, bà Nguyễn Thị T2 trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng đến nay thì bà T2 không có ý kiến cũng như không cung cấp cho Tòa các văn bản chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, căn cứ theo hồ sơ vụ án, đối chiếu các tài liệu chứng cứ như hợp đồng vay, bản sao kê lịch trả nợ của khách hàng vay mà nguyên đơn đã cung cấp cùng với quy định pháp luật về tính lãi thì xác định bà Nguyễn Thị T2 còn nợ nguyên đơn số tiền gốc, lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi tính đến ngày 15/4/2025 là 57.241.067 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3 đối với bà Nguyễn Thị T2 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T3 số tiền nợ vay tổng cộng là 58.947.257 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm năm bảy đồng) trong đó: nợ gốc 23.739.469 đồng; nợ lãi trong hạn 7.579.079 đồng; lãi chậm trả gốc quá hạn 25.922.519 đồng và lãi lãi chậm trả 1.706.190 đồng. (lãi tính đến ngày 15/4/2025)

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.947.000 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty T3 1.200.000 đồng tiền án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014855, ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Viện kiểm sát nhân dân TX. Điện Bàn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Thúy Vân